

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-ST
Ngày: 18-8-2020
*“Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 18/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2020/TLST-DS ngày 09/6/2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng DA**. Địa chỉ: Phường 3, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Võ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Trương Đình B - Nhân viên quản lý tín dụng Ngân hàng DA - Chi nhánh Long An.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông Bảo có mặt. Bà D, ông M vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng DA (gọi tắt là Ngân hàng DA) và lời trình bày của người đại diện là ông Trương Đình B trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ngày 26/02/2018, bà Nguyễn Thị Thùy D có vay của Ngân hàng DA- Chi nhánh Long An số tiền 15.000.000 đồng, theo hợp đồng vay trả góp số 00840615/0102766401T18001, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

Lãi suất vay 10%/năm (lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn), hình thức vay không có tài sản đảm bảo (tín chấp), hình thức trả góp 11 tháng đầu mỗi tháng trả 1.380.000 đồng, tháng thứ 12 trả 1.320.000 đồng.

Từ ngày 27/02/2018 đến 08/01/2019, bà D chỉ trả được 11.054.616 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 1.365.384 đồng. Tổng cộng là 12.420.000 đồng. Tính đến ngày 18/8/2020, bà D còn nợ tiền gốc là 3.945.384 đồng, lãi trong hạn là 134.616 đồng, lãi quá hạn là 1.217.761 đồng, tổng cộng là 5.297.761 đồng.

Do khi vay tiền, chồng bà D là ông Nguyễn Xuân M biết và có ký tên vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 20/01/2018 và Giấy cam kết thanh toán vốn và lãi ngày 20/01/2018. Nay bà D không trả tiền nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Xuân M liên đới trả cho Ngân hàng DA tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 18/8/2020 là 5.297.761 đồng.

Kể từ ngày 19/8/2020, số tiền nợ gốc còn thiếu bà D và ông M phải liên đới trả thêm khoản tiền lãi theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của bà Dương ngày 20/01/2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00840615/0102766401T18001 ngày 26/02/2018.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Xuân M đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt, không làm bằng tự khai cũng như có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA.

Tòa án tiến hành thụ lý và hòa giải nhưng không được do bà D, ông M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng DA với bà D, ông M là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà D, ông M vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không

phải chứng minh. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Ngày 26/02/2018, bà Nguyễn Thị Thùy D có vay của Ngân hàng DA- Chi nhánh Long An số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10%/năm (lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn), hình thức vay tín chấp, hình thức trả góp theo tháng. Cho đến ngày 18/8/2020, bà D còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 3.945.384 đồng, lãi trong hạn là 134.616 đồng, lãi quá hạn là 1.217.761 đồng, tổng cộng là 5.297.761 đồng.

Xét thấy, bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ là đã trả hết nợ cho Ngân hàng Đông Á. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ gốc vay 3.945.384 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Ngân hàng DAvới bà D đã thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Vì vậy, bà D phải thanh toán cho Ngân hàng DATiền nợ lãi tính đến ngày 18/8/2020 gồm lãi trong hạn là 134.616 đồng, lãi quá hạn là 1.217.761 đồng như ngân hàng đã yêu cầu.

Về trách nhiệm trả nợ: Do khi vay tiền, chồng bà D là ông Nguyễn Xuân M biết và có ký tên vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 20/01/2018 và Giấy cam kết thanh toán vốn và lãi ngày 20/01/2018. Nay bà D không trả tiền cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D và ông M liên đới trả tiền cho Ngân hàng DA là có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA. Buộc bà D, ông M phải liên đới trả cho Ngân hàng DA số tiền là 5.297.761 đồng.

Kể từ ngày 19/8/2020, số tiền nợ gốc chưa thanh toán bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Xuân M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 20/01/2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00840615/0102766401T18001 ngày 26/02/2018.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà D, ông M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng DA không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA đối với bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Xuân M.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Xuân M phải liên đới trả cho Ngân hàng DA số tiền tổng cộng là 5.297.761 đồng. (Trong đó, tiền gốc là 3.945.384 đồng, lãi trong hạn là 134.616 đồng, lãi quá hạn là 1.217.761 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 18/8/2020).

Kể từ ngày 19/8/2020, số tiền nợ gốc chưa thanh toán bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Xuân M còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 20/01/2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00840615/0102766401T18001 ngày 26/02/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Xuân M phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng DA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng DA số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007172, ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân – Bùi Mạnh Quyết

Lê Thị Mỹ Phượng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Phượng